

Bản án số:16/2022/HS-ST
Ngày 07-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Huy.

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/HSST-QĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1960 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị M và 03 con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị "Tạm giữ" từ ngày 29 tháng 9 năm 2021 đến ngày 08 tháng 10 năm 2021 được thay đổi áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trọng C, trú tại: Thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Lã Thị D, trú tại: Thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Ngọc T, trú tại: Thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn M, trú tại: Thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Văn C.

2. Anh Phạm Văn H.

3. Anh Hoàng Chi C'.

4. Anh Bùi Văn K.

5. Anh Nguyễn Văn D'.

6. Anh Dương Đức Trung K'.

Tất cả đều vắng mặt không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ 50 phút ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng, Công an huyện An Lão chia làm 03 tổ công tác cùng kiểm tra và phát hiện như sau:

Tổ công tác thứ nhất kiểm tra, phát hiện Nguyễn Trọng C đang bán số đề cho Hoàng Văn C và Phạm Văn H. Thu giữ của Chiến 01 tích kê ghi số xiên đôi (92-99), (04-620, (54-60) mỗi cặp = 50.000 đồng; số đề 29, 99, 66, 04 mỗi số = 50.000 đồng. Thu giữ của H 01 tích kê ghi số lô 36 = 2.000.000 đồng và 01 cặp lô xiên đôi (36-63) = 1.000.000 đồng. Thu giữ của C 02 tờ tích kê ghi số lô, đề cho C và H; 01 tờ phôi ghi "đề, bao, xiên, ba càng" trong ngày 29/9/2021 cùng số tiền 4.290.000 đồng (trong đó tiền bán đề cho C và H là 3.350.000 đồng, còn lại là tiền C bán đề cho người khác).

Tổ công tác thứ hai kiểm tra, phát hiện Lã Thị D đang bán số đề cho Hoàng Chi C' và Bùi Văn K. Thu giữ của C' 01 tích kê ghi số xiên đôi (57-61) = 500.000 đồng; đề số 57 và 61 mỗi số = 250.000 đồng. Thu giữ của K 01 tích kê ghi số đề 74, 47, 99, 43, 08 mỗi số = 100.000 đồng; đề số 84 = 500.000 đồng; xiên đôi (34-92) và (87-56) mỗi cặp = 500.000 đồng. Thu giữ của D 06 tờ tích kê ghi số lô, đề; 01 tờ phôi ghi "đề, bao, xiên, ba càng" trong ngày 29/9/2021 cùng số tiền 3.220.000 đồng (trong đó tiền bán đề cho C' và K là 3.000.000 đồng, còn lại là tiền D bán đề cho người khác).

Tổ công tác thứ ba kiểm tra phát hiện Nguyễn Ngọc T đang bán số đề cho Nguyễn Văn D' và Dương Đức Trung K'. Thu giữ của D' 01 tích kê ghi số đề 93 và 39 mỗi số = 500.000 đồng; số lô 45 = 2.000.000 đồng. Thu giữ của K' 01 tích kê ghi số đề 72 và 27 mỗi số = 100.000 đồng; 03 cặp số xiên đôi (27-72), (39-93) và (11-02) mỗi cặp số = 200.000 đồng; 02 tổ hợp số xiên bốn (24-39-11-02) và

(72-93-02-11) mỗi tổ hợp số = 100.000 đồng. Thu giữ của T 02 tờ tích kê ghi số đề; 01 tờ phơi ghi số đề, bao, xiên, ba càng trong ngày 29/9/2021 và số tiền 4.023.000 đồng (trong đó tiền bán số đề cho D' và K' là 4.000.000 đồng, còn lại là tiền T bán đề cho người khác).

Tổng số tiền mà C, T, D bán số đề trong ngày 29/9/2021 bị thu giữ là 12.433.000 đồng.

Nguyễn Trọng C, Lã Thị D, Nguyễn Ngọc T khai nhận bán số “đề, bao, xiên, ba càng” thuê cho Nguyễn Văn N. N thuê C, T, D bán số lô, đề cho những người khách qua đường và trực tiếp thu tiền bán số, ghi các số bán được kèm giá tiền vào các tờ phơi. Đến khoảng 18 giờ hàng ngày, Nguyễn Trọng C, Lã Thị D và Nguyễn Ngọc T chụp ảnh tờ phơi ghi các số “đề, bao, xiên, ba càng” kèm giá tiền bán được trong ngày và gửi qua phần mềm Zalo cho Nguyễn Văn N qua số điện thoại “0916.008.678” của N. Khoảng 18 giờ ngày hôm sau, Nguyễn Trọng C, Lã Thị D và Nguyễn Ngọc T đến nhà N để thanh toán tiền trúng thưởng và tiền bán lô, đề của ngày hôm trước. Ngày 29/9/2021 nếu không bị bắt giữ thì C, T, D vẫn chuyển các tờ phơi cho N và thanh toán như bình thường đã thoả thuận.

Từ lời khai của C, T, D vào hồi 19 giờ ngày 29/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện An Lão, TP Hải Phòng thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn N và thu giữ: 04 (bốn) tờ phơi ghi số “đề, bao, xiên, ba càng” kèm giá tiền có chữ ký của N vào các ngày 27, 28 và 29/9/2021, kích thước mỗi tờ là (29,4x20,6)cm; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số IMEI 353817085985315 của N; số tiền 1.705.000 đồng trong túi áo ngực của N. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn N tại thôn H, xã A, huyện An Lão, TP Hải Phòng phát hiện và thu giữ: 82 quyển sổ bìa màu hồng mỗi quyển có 30 tờ phơi, 33 tập tích kê mỗi tập gồm 50 tờ đều chưa ghi nội D, 38 bút bi nhãn hiệu Thiên Long trong đó có 26 chiếc mực đỏ và 12 chiếc mực đen.

Trong số 04 (bốn) tờ phơi bị thu giữ có 01 tờ phơi là của Phạm Văn M ghi các số số “đề, bao, xiên, ba càng” kèm giá tiền đã bán ngày 28/9/2021 giao trực tiếp cho N. Tổng số tiền Phạm Văn M bán số “đề, bao, xiên, ba càng” ngày 28/9/2021 là 2.513.000 đồng, không có số trúng thưởng. 03 (ba) tờ phơi còn lại là do Nguyễn Văn N tự viết nhưng không nhớ ghi vào ngày nào, ghi chép từ đâu và nhằm mục đích gì.

Tại cơ quan Điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận: Khoảng đầu năm 2021, Nguyễn Văn N thoả thuận với Nguyễn Trọng C, Lã Thị D, Nguyễn Ngọc T, Phạm Văn M (sinh năm 1964 cùng cư trú tại thôn H, xã A), Nguyễn Xuân T (sinh năm 1950 cư trú tại thôn N, xã A), Nguyễn Đình N sinh năm 1957 và Nguyễn Thị H sinh năm 1968 (cùng cư trú tại thôn N, xã A), Đào Thị C1 (sinh năm 1949 cư trú tại thôn T, xã A) về việc bán đề thuê cho Nguyễn Văn N và được N trả tiền phần trăm hoa hồng là: 15% tiền bán số “đề”, 18% tiền bán số “xiên”, 20% tiền bán số “ba càng”, 05% tiền bán số “bao”. Nguyễn Văn N trực tiếp tính toán tiền bán số đề, tiền trả phần trăm hoa hồng, tiền trúng thưởng theo kết quả xổ miền Bắc mở thưởng cùng ngày và thanh toán trực tiếp cho những người bán đề thuê. Tiền trả thưởng được quy định cụ thể là bằng 80 lần số tiền mua số “đề” trúng; 3,4 lần số

tiền mua số “bao” trúng; 14 lần số tiền mua số “xiên 2” trúng; 48 lần số tiền mua số “xiên 3” trúng; 180 lần số tiền mua số “xiên 4 trúng” và 400 lần số tiền mua số “ba càng” trúng. Để phục vụ cho việc thu gom các bản lô, đề của những người bán thuê không biết sử dụng phần mềm zalo, N đã thuê Nguyễn Công T đi thu các tờ phoi về cho N. Sau khi nhận được các bản lô, đề từ những người bán đề thuê, N chuyển tiếp cho một nữ giới tên S (chưa rõ nhân thân lai lịch) sử dụng số điện thoại “0336.427.410” qua phần mềm Zalo để được hưởng tiền phần trăm hoa hồng chênh lệch. Cụ thể S thỏa thuận sẽ trả cho Nguyễn Văn N tiền phần trăm hoa hồng là: 17% tiền bán số “đề”, 22% tiền bán số “xiên”, 35% tiền bán số “ba càng”, 07% tiền bán số “bao”, tiền trả thưởng đối với các số trúng thưởng như thỏa thuận giữa N và những người bán đề thuê. Khi số tiền thanh toán lên đến khoảng 50.000.000 đồng thì S sẽ gặp trực tiếp Nguyễn Văn N để thanh toán tiền, còn nếu dưới 50.000.000 đồng thì N sẽ ứng tiền trả thưởng trước cho những người trúng thưởng hộ S. Nguyễn Văn N không nhớ đã thanh toán với S và những người bán số đề thuê là bao nhiêu tiền.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết trên toàn bộ tờ phoi, tích kê thu giữ của N, C, T và D.

- Tại Bản Kết luận giám định số 214/KLGD-PC09 ngày 02/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận: Chữ số, chữ viết bằng mực màu đen trên mặt trước các tài liệu cần giám định (03 tờ phoi thu được của Nguyễn Văn N) ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ số, chữ viết của người mang tên Nguyễn Văn N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

- Tại Bản Kết luận giám định số 05/KLGD-PC09 ngày 20/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận:

- + Chữ số, chữ viết bằng mực màu xanh trên mặt trước tài liệu cần giám định (tờ phoi thu được của Nguyễn Trọng C ghi các số “đề, bao, xiên, ba càng” bán được ngày 29/9/2021) ký hiệu A1 (trừ chữ số, chữ viết tại các dòng chữ viết thứ 2,3,4,5,6,9,11,13,17,18 và tại dòng chữ viết thứ 10: vị trí 1,2) so với chữ số, chữ viết của người mang tên Nguyễn Trọng C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

- + Chữ số, chữ viết tại các dòng chữ viết thứ 2,3,4,5,6,9,11,13,17,18 và tại dòng chữ viết thứ 10: vị trí 1,2 trên mặt trước tài liệu cần giám định (tờ phoi thu được của Nguyễn Trọng C ghi các số “đề, bao, xiên, ba càng” bán được ngày 29/9/2021) ký hiệu A1 so với chữ số, chữ viết của người mang tên Nguyễn Trọng C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không cùng một người viết ra.

- + Chữ số, chữ viết bằng mực màu xanh trên mặt trước tài liệu cần giám định (tờ phoi thu được của Lã Thị D ghi các số “đề, bao, xiên, ba càng” bán được ngày 29/9/2021) ký hiệu A2 so với chữ số, chữ viết của người mang tên Lã Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết ra.

- + Chữ số, chữ viết bằng mực màu xanh trên mặt trước tài liệu cần giám định (tờ phoi thu được của Nguyễn Ngọc T ghi các số “đề, bao, xiên, ba càng” bán được ngày

29/9/2021) ký hiệu A3 so với chữ số, chữ viết của người mang tên Nguyễn Ngọc T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận sự việc như đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 15/QĐ-VKS ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Đánh bạc" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo số tiền từ 10 đến 15 triệu đồng. Xử lý các vấn đề về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn N tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 29/9/2021 Nguyễn Văn N đã có hành vi thuê Nguyễn Trọng C, Lã Thị D và Nguyễn Ngọc T bán số lô, đề cho những người chơi, kết quả được thua bằng tiền trái pháp luật. Khi C, T, D đang bán số đề cho Hoàng Văn C', Phạm Văn H, Hoàng Chi C', Bùi Văn K, Nguyễn Văn D' và Dương Đức Trung K' thì bị bắt giữ. Tổng số tiền mà C, T, D đã bán số đề trong ngày 29/9/2021 bị thu giữ là 12.433.000 đồng. Về bản chất, hành vi thuê C, T, D bán số đề, có trả thưởng và hưởng tiền chênh lệch trái pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn N là hành vi tổ chức đánh bạc. Thời điểm những người bán đề thuê cho N là Nguyễn Trọng C, Lã Thị D và Nguyễn Ngọc T nhận tiền từ những người mua số đề phải được coi là bị cáo N đã nhận được tiền đánh bạc và do vậy bị cáo N phải chịu trách nhiệm về tổng số tiền mà các đối tượng C, D, T đã bán lô, đề. Tuy vậy, do tổng số tiền bán đề bị thu giữ chưa đủ 20.000.000 đồng; số người bán đề thuê cho N trong ngày 29/9/2021 dưới 05 người nên Nguyễn Văn N bị truy tố về tội "Đánh bạc" là đúng

quy định theo khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến những quy tắc, trật tự công cộng do Nhà nước quy định. Hành vi đánh bạc còn là tiền đề gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của nhiều gia đình. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Lý lịch cho thấy nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.433.000 đồng quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở cho bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo Nguyễn Văn N từng có thời gian tham gia bộ đội, chiến đấu tại chiến trường Campuchia từ năm 1978 đến năm 1980. Do vậy bị cáo N được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Về mức hình phạt dành cho bị cáo: Như đã phân tích, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bản thân bị cáo là thương binh hạng 2/8, tuổi đời cũng đã cao (62 tuổi) nên Hội đồng xét xử thấy cần phải xử bị cáo mức án nghiêm nhưng không cần thiết phải bắt bị cáo cách ly xã hội, có thể cho bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện và phòng ngừa chung. Tuy vậy cũng cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự để tăng thêm tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng: Số tiền 12.433.000 đồng thu giữ của các đối tượng Nguyễn Trọng C, Lã Thị D và Nguyễn Ngọc T trong ngày 29/9/2021; số tiền 2.513.000 đồng thu giữ của Phạm Văn M đã bán đề thuê cho Nguyễn Văn N trong ngày 28/9/2021; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số IMEI 353817085985315 của bị cáo dùng liên lạc với các đối tượng C, D, T và "Sa" đều là tiền đánh bạc, là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Các quyền tờ phoi, tập tích kê, bút bi bị thu giữ do N tự mua về để phát cho những người bán đề thuê sử dụng ghi chép thống kê số “đề, bao, xiên, ba càng” kèm giá tiền đã bán mỗi ngày là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. 04 (bốn) tờ phoi ghi số “đề, bao, xiên, ba càng” kèm giá tiền có chữ ký của N vào các ngày 27, 28

và 29/9/2021, kích thước mỗi tờ là (29,4x20,6)cm là tài liệu đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Số tiền 1.705.000 đồng trong túi áo ngực của N là tiền riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi đánh bạc, cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị cáo N là có căn cứ.

[7] Về việc các đối tượng Nguyễn Trọng C, Lã Thị D và Nguyễn Ngọc T bán đề thuê cho Nguyễn Văn N trong ngày 29/9/2021; các đối tượng Hoàng Văn C, Phạm Văn H, Hoàng Chi C', Anh Bùi Văn K, Nguyễn Văn D' và Dương Đức Trung K' là những người mua đề từ C, D, T ngày 29/9/2021; Phạm Văn M bán đề thuê cho Nguyễn Văn N vào ngày 28/9/2021, do số tiền bán, mua lô đề chưa đủ 05 triệu đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", cơ quan Công an tiến hành xử lý vi phạm hành chính là có cơ sở.

[8] Đối với đối tượng tên "S" là người nhận các bảng lô, đề từ bị cáo, hiện không xác minh được lai lịch, địa chỉ; 02 số điện thoại 0916008678 của Nguyễn Văn N và 0336427410 của đối tượng tên "S" cơ quan Điều tra đã ra lệnh thu giữ điện tín để điều tra làm rõ nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với Phùng Văn T không tham gia đánh bạc, không giúp sức cho các bị cáo đánh bạc; Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đình N, Nguyễn Thị H và Đào Thị C1 không bán đề vào ngày 29/9/2021 nên cơ quan Điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 92 Luật Thi hành án hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07 tháng 4 năm 2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

- Trong thời gian thử thách tại địa phương, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ công dân 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định chuyển án treo thành tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Nguyễn Văn N

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn N số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.946.000đ (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 28 tháng 02 năm 2022, số mã hiệu HPH710122, số CT 0000187 của Kho bạc Nhà nước huyện An Lão.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số IMEI 353817085985315 của bị cáo Nguyễn Văn N

- Tịch thu tiêu hủy 82 quyển sổ bìa màu hồng mỗi quyển có 30 tờ phôi, 33 tập tích kê mỗi tập gồm 50 tờ đều chưa ghi nội D, 38 bút bi nhãn hiệu Thiên Long trong đó có 26 chiếc mực đỏ và 12 chiếc mực đen.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa Công an huyện An Lão và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Phòng PC10, PV06 Công an TP Hải Phòng;
- UBND xã A;
- Công an huyện An Lão;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục THA DS huyện An Lão;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Định

